

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO
NGÀNH HIẾM THEO QĐ 319/QĐ-TTg CHO VÙNG TÂY NAM BỘ ĐẾN NĂM 2025

Nguyễn Minh Phương, Huỳnh Công Hiệp, Trần Bình Khiêm, Phạm Kiều Anh Thơ*

Trường Đại học Y dược Cần Thơ

**Email: nmpuong@ctump.edu.vn*

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hiện nay trong lĩnh vực y tế bắt đầu xuất hiện những khó khăn trong việc tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, trong khi đó vẫn còn tồn tại sự thiếu hụt các bác sỹ thuộc 5 chuyên ngành hiếm theo QĐ 319/TTg. Hàng năm, số lượng sinh viên được đào tạo theo địa chỉ chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu của các địa phương. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định số lượng, cơ cấu, trình độ nhân lực bác sỹ chuyên ngành hiếm các tỉnh khu vực ĐBSCL và xác định nhu cầu đào tạo Bác sỹ đa khoa tạo nguồn nhân lực cho 5 chuyên ngành hiếm đến năm 2025. **Đối tượng nghiên cứu:** các bác sỹ đang công tác thuộc lĩnh vực ngành hiếm thuộc 13 tỉnh vùng Tây Nam Bộ. Các sinh viên đang học bác sỹ đa khoa tạo nguồn cho 5 ngành hiếm tại Trường ĐHY Dược Cần Thơ. **Phương pháp nghiên cứu:** cắt ngang mô tả. **Kết quả:** Toàn vùng có 758 nhân viên y tế đang công tác tại các chuyên ngành hiếm, trong đó số bác sỹ là 434, trình độ sau đại học là 199 bác sỹ. Nhu cầu thành lập mới đến năm 2025 là 78 Bệnh viện, Trung tâm, Khoa trực thuộc bệnh viện tỉnh hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành hiếm. Nhu cầu đào tạo các chuyên ngành hiếm trình độ ĐH đến 2025 là 1518 bác sỹ, nhu cầu đào tạo định hướng là 1929 BS, BS.CKI là 1110 BS, BS.CKII là 396 BS, nhu cầu đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ là 366, trong đó thạc sỹ là 297, tiến sỹ là 69. **Kết luận:** Bác sỹ phục vụ cho 5 chuyên ngành hiếm rất ít, nhiều tỉnh khuyết bác sỹ, nhu cầu bác sỹ chuyên ngành hiếm rất lớn để đáp ứng việc thành lập Bệnh viện, Trung tâm đến 2015.

Từ khóa: nhân lực y tế ngành hiếm, nhu cầu đào tạo ngành hiếm

ABSTRACT

**REALITY AND NEEDS FOR HUMAN RESOURCES IN RARE FIELD ON
DECISION 319/QĐ-TTg IN SOUTH WEST REGION TOWARDS 2025**

Nguyen Minh Phuong, Huynh Cong Hiep, Tran Binh Khiem, Pham Kieu Anh Tho

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: At present, there is a difficulty in finding a job in health field after graduating, while there is a shortage of doctor in five rare fields on decision no. 319/QĐ-TTg. Every year, the amount of students trained by contracts meets partly need in locality. **Objectives:** determine the amount, mechanism, education level of doctors in rare fields in Mekong Delta and define the need for training General Doctor in rare fields towards 2025. **Materials:** doctors work in rare fields in 13 South-West provinces. Students are being trained in five rare fields at Can Tho University of Medicine and Pharmacy. **Methods:** analytical cross sectional descriptive study. **Results:** there are 758 medical staffs working in rare fields in whole region, including 434 doctors, 199 doctors of post-graduate. The need for new organizations towards 2025 is 78 provincial hospitals, centers, departments in rare fields. The demand for graduate training towards 2025 is 1518 doctors, for orientation training is 1929 doctors, 1110 specialist I, 396 specialist II, for MD. and PhD. Is 366, including 297 MD., 69 PhD. **Conclusion:** Doctors working in five rare fields are very few, there is no doctors in this fields in some provinces, the need for doctors in rare fields is very huge for new hospitals and centers through 2015.

Keywords: Health human in rare field, the need for training the rare major.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhân lực y tế là nguồn lực quan trọng nhất trong công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Để thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới [4], Quyết định số 153 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 [5], một trong những nhiệm vụ mà ngành y tế quan tâm hàng đầu có tính chiến lược là đào tạo đội ngũ cán bộ y tế có đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cộng đồng cho các tuyến, các vùng dân cư, đặc biệt cho tuyến y tế cơ sở, cho vùng sâu, vùng xa.

Theo khảo sát của Trường thực hiện, nguồn nhân lực y tế khu vực ĐBSCL có sự gia tăng

đáng kể về số lượng, cũng như chất lượng. Nhu cầu để đến năm 2020 khu vực ĐBSCL sẽ có đủ 9,0 BS và 2,0 - 2,2 DS trên 1 vạn dân theo QĐ 122/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, số sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về công tác tại các tỉnh khu vực ĐBSCL sẽ đạt được tiêu chí BS, DS/1 vạn dân vào năm 2020 [8], [15].

Tuy nhiên, tình hình sử dụng nguồn nhân lực y tế của các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long vẫn còn nhiều bất cập và điều quan trọng là cần phải có giải pháp giải quyết các bất cập giữa nhu cầu nhân lực y tế và khả năng đào tạo để đáp ứng yêu cầu đào tạo của xã hội. Hiện nay trong lĩnh vực y tế bắt đầu xuất hiện những khó khăn trong việc tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là Điều dưỡng, Dược sỹ, BS Răng hàm mặt gần như bão hòa, trong khi đó vẫn còn tồn tại sự thiếu hụt các Bác sỹ thuộc 5 chuyên ngành hiếm theo QĐ 319/TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Lao, Phong, Tâm thần, Giải phẫu bệnh, Pháp Y. Hằng năm, số lượng sinh viên được đào tạo theo địa chỉ chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu của các địa phương.

Mục tiêu nghiên cứu

1) Xác định số lượng, cơ cấu, trình độ nhân lực bác sỹ chuyên ngành hiếm các tỉnh khu vực ĐBSCL. 2) Xác định nhu cầu đào tạo Bác sỹ đa khoa tạo nguồn nhân lực cho 5 chuyên ngành hiếm đến năm 2025 các tỉnh khu vực ĐBSCL.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu

- Gồm các bác sỹ đang công tác thuộc lĩnh vực ngành hiếm tại các cơ sở y tế thuộc 13 tỉnh vùng Tây Nam Bộ.

- Các sinh viên thuộc vùng Tây Nam Bộ đang học bác sỹ đa khoa tạo nguồn cho 5 ngành hiếm tại Trường ĐH Y Dược Cần Thơ.

2.2 Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang mô tả, thăm dò dự báo.

2.3 Thời gian nghiên cứu: tính đến 31/12/2018.

2.4. Cơ mẫu nghiên cứu

Toàn bộ bác sỹ đang công tác thuộc lĩnh vực ngành hiếm tại các cơ sở y tế thuộc 13 tỉnh vùng Tây Nam Bộ đến thời điểm 31/12/2018. Các sinh viên thuộc vùng Tây Nam Bộ đang học bác sỹ y khoa tạo nguồn cho 5 ngành hiếm tại Trường ĐH Y Dược Cần Thơ dự kiến tốt nghiệp năm 2025.

Khảo sát nhân lực các bệnh viện phục vụ cho 5 chuyên ngành hiếm: Bệnh viện Lao và bệnh phổi; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Da liễu; các Khoa cận lâm sàng giải phẫu bệnh các bệnh viện tỉnh, bệnh viện chuyên khoa; trung tâm Giám định Pháp y – Pháp y tâm thần.

2.5 Phương pháp thu thập số liệu: soạn các bộ công cụ thu thập số liệu

Theo mẫu theo ngành, bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, các trung tâm.

2.6 Phương pháp xử lý số liệu

Thống kê số liệu theo phần mềm Microsoft excel 2010.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Số lượng, cơ cấu, trình độ nhân lực bác sỹ chuyên ngành hiếm các tỉnh khu vực ĐBSCL.

Bảng 3.1. Số lượng và trình độ cán bộ y tế đang công tác các chuyên ngành hiếm khu vực ĐBSCL

Ngành/ Trình độ	Số lượng trình độ ĐH, SDH					Trung cấp	Cộng
	Bác sỹ	Sơ bộ CK	CK I	CK II	Thạc sỹ		
Lao	27	46	68	10	5	150	306
Phong	8	20	40	2	0	46	116
Tâm thần	17	87	37	11	3	100	255
Giải phẫu bệnh	2	6	8	2	2	11	31
Pháp y	10	12	6	4	1	17	50
Tổng cộng	64	171	159	29	11	324	758

Nhận xét: Theo kết quả nghiên cứu nhân lực y tế phục vụ ngành hiểm 13 tỉnh/ thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu long toàn vùng có 758 nhân viên y tế đang công tác tại các chuyên ngành hiểm, trong đó số bác sỹ là 434, trình độ sau đại học là 199 bác sỹ trình độ chuyên khoa I, chuyên khoa II và thạc sỹ. Nhiều nhất là cán bộ y tế chuyên ngành Lao, kế đến là Tâm thần; lĩnh vực có ít nhân viên y tế nhất là Giải phẫu bệnh và Pháp y.

Theo kết quả nghiên cứu: số lượng bệnh viện, Trung tâm, Khoa thuộc BV hoạt động lĩnh vực ngành hiểm khu vực ĐBSCL có 103 Bệnh viện, Trung tâm, Khoa trực thuộc bệnh viện tỉnh hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành hiểm, bao gồm: 18 bệnh viện chuyên khoa, 44 trung tâm quản lý, điều trị, dự phòng, 41 hoạt động tại các khoa thuộc BV tỉnh. Số lượng bệnh viện hoạt động lĩnh vực ngành hiểm phân bố theo tỉnh/TP toàn vùng có 9 bệnh viện Lao và bệnh phổi, có 01 bệnh viện Phong (Da liễu) và 8 bệnh viện Tâm thần – Thần kinh. Số lượng trung tâm quản lý hoạt động lĩnh vực ngành hiểm phân bố theo tỉnh/TP toàn vùng có 44 trung tâm quản lý, trong đó có 12 trung tâm Lao và bệnh phổi, có 11 trung tâm Phong (Da liễu), 7 trung tâm Tâm thần – Thần kinh, 14 trung tâm Pháp y.

3.2 Nhu cầu đào tạo Bác sỹ đa khoa tạo nguồn nhân lực cho 5 chuyên ngành hiểm đến năm 2025 các tỉnh khu vực ĐBSCL.

Bảng 3.2. Nhu cầu thành lập mới Bệnh viện, Trung tâm đến năm 2025

Đơn vị	Lĩnh vực ngành hiểm					Cộng
	Lao	Phong	Tâm thần	GPB	Pháp y	
Bệnh viện	4	1	3	0	0	8
Trung tâm	7	5	2	2	8	24
Khoa thuộc BV	8	5	23	10	0	46
Tổng cộng	19	11	28	12	8	78

Ngành	Long An	Tiền Giang	Đồng Tháp	Bến Tre	Trà Vinh	Vĩnh Long	Cần Thơ	An Giang	Kiên Giang	Sóc Trăng	Hậu Giang	Bạc Liêu	Cà Mau	Cộng
Lao	12	0	17	79	85	0	12	32	176	125	0	22	21	581
Phong	8	0	17	30	33	0	0	16	136	56	0	9	16	321
Tâm thần	15	0	30	79	79	0	8	15	120	56	0	22	16	440
GPB	8	0	12	30	13	0	0	8	15	22	0	4	1	113
Pháp y	8	0	17	30	20	0	3	8	14	22	0	2	1	125
Tổng cộng	51	0	93	248	230	0	23	79	461	281	0	59	55	1580

Nhận xét: Tổng nhu cầu đào tạo các chuyên ngành hiểm trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 1518 bác sỹ, trong đó cao nhất là TP. Cần thơ 296 bác sỹ, kế đến là Kiên Giang 260 bác sỹ. Ngành lao chiếm số lượng cao nhất 482 bác sỹ, kế đến là Tâm thần 454 bác sỹ, thấp nhất là Pháp y 147 bác sỹ. Nhu cầu đào tạo trình độ sau đại học cả vùng đến 2025 là 3801 BS. Nhu cầu đào tạo định hướng là 1929 BS, BS.CKI là 1110 BS, BS.CKII là 396 BS, nhu cầu đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ là 366, trong đó thạc sỹ là 297, tiến sỹ là 69.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Số lượng, cơ cấu, trình độ nhân lực bác sỹ chuyên ngành hiểm các tỉnh khu vực ĐBSCL.

Theo kết quả nghiên cứu nhân lực y tế phục vụ ngành hiểm 13 tỉnh/ thành phố khu vực Đồng bằng sông Cửu long toàn vùng có 758 nhân viên y tế đang công tác tại các chuyên ngành hiểm, trong đó số bác sỹ là 434, trình độ sau đại học là 199 bác sỹ trình độ chuyên khoa I, chuyên khoa II và thạc sỹ. Nhiều nhất là cán bộ y tế chuyên ngành Lao, kế đến là Tâm thần; lĩnh vực có ít nhân viên y tế nhất là Giải phẫu bệnh và Pháp y (bảng 3.1).

Từ năm 2008 Trường đã khảo sát và nghiên cứu tình hình nguồn nhân lực y tế và nhu cầu đào tạo của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) cho thấy: tỉ lệ BS trên 10.000 dân là 4,26; dược sĩ là 0,24. Với trên 50% số xã chưa có BS và gần 10% số huyện chưa có DS. Tỉ lệ này thấp hơn tất cả các vùng, miền của cả nước, và thấp hơn rất nhiều so với tỉ lệ trong Quyết định 153 ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ [8],[15].

Từ năm 2008 đến năm 2014, ngoài đào tạo theo ngân sách, Trường đã đào tạo bổ sung theo địa chỉ các tỉnh Tây Nam Bộ 3.031 BS, 1.193 DS và 797 cử nhân. Đã góp phần nâng tỉ lệ BS trên 10.000 dân đối với y tế công lập từ 4,26 (năm 2008) lên 5,78 (năm 2014); tỉ lệ DS trên 10.000 dân từ 0,16 (năm 2008) lên 0,63 (năm 2014). Riêng y tế ngoài công lập, năm 2014 có 0,6 BS và 0,49 DS trên 1 vạn dân. Nếu tính cả công lập và ngoài công lập thì có 6,38 BS và 1,12 DS trên 1 vạn dân [8],[11].

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi (bảng 3.7) số lượng bệnh viện, Trung tâm, Khoa thuộc BV hoạt động lĩnh vực ngành hiếm khu vực ĐBSCL có 103 Bệnh viện, Trung tâm, Khoa trực thuộc bệnh viện tinh hoạt động trong các lĩnh vực chuyên ngành hiếm, bao gồm: 18 bệnh viện chuyên khoa, 44 trung tâm quản lý, điều trị, dự phòng, 41 hoạt động tại các khoa thuộc BV tỉnh

Đề án 319/QĐ-TTg được phê duyệt từ năm 2013 đến nay vẫn chưa được triển khai cụ thể [9]. Hầu hết các tỉnh vùng ĐBSCL đề nghị cần phải đào tạo theo địa chỉ sử dụng cho các chuyên ngành hiếm: trước mắt đào tạo theo chương trình của BS đa khoa, sau khi tốt nghiệp BS đa khoa về làm việc tại các chuyên ngành hiếm theo cam kết trước khi được cử đi học. Sau khi tốt nghiệp về làm việc, các bệnh viện sẽ cử đi đào tạo liên tục, đào tạo sau đại học theo đúng các chuyên khoa này nhằm đáp ứng về cơ bản nguồn nhân lực y tế thực hiện các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân thuộc các lĩnh vực chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Pháp y, Giải phẫu bệnh [9].

Theo báo cáo trong số 152 bác sĩ đang làm việc tại 5 chuyên ngành hiếm đến năm 2020 có trên 50% số bác sĩ đến tuổi nghỉ hưu. Hiện nay 13 tỉnh đều có 13 Trung tâm Pháp y, nhưng chỉ có 4 bác sĩ chuyên ngành Pháp y, còn lại là bác sĩ chuyên khoa khác. Mặc dù 8 bệnh viện Lao và bệnh phổi các tỉnh đi vào hoạt động từ lâu nhưng số bác sĩ chuyên ngành rất ít, nhiều tỉnh chỉ từ 1-5 bác sĩ, tỉnh Kiên Giang không có bác sĩ chuyên ngành Lao. Có 5 tỉnh không có bác sĩ chuyên ngành giải phẫu bệnh để phục vụ cho khoa Ung bướu của bệnh viện Tỉnh [16],[26].

Từ thực trạng trên cho thấy số bác sĩ phục vụ cho 5 chuyên ngành hiếm rất ít, nhiều tỉnh khuyết bác sĩ, trong khi các Bệnh viện, Trung tâm đã thành lập.

4.2 Nhu cầu đào tạo Bác sĩ đa khoa tạo nguồn nhân lực cho 5 chuyên ngành hiếm đến năm 2025 các tỉnh khu vực ĐBSCL.

Nhu cầu cần thay thế các vị trí cán bộ nghỉ hưu thuộc chuyên ngành hiếm từ 2018-2025 toàn khu vực ĐBSCL là 631 cán bộ; trong đó cao nhất là tỉnh Kiên Giang 395 cán bộ, kế đến là An Giang 56 cán bộ, thấp nhất là Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng từ 3-6 cán bộ; nhu cầu bổ sung, tuyển dụng cán bộ y tế cho thành lập mới, đáp ứng công tác điều trị, dự phòng thuộc chuyên ngành hiếm từ 2018-2025 toàn khu vực ĐBSCL là 1580 cán bộ; trong đó nhu cầu cao nhất là tỉnh Kiên Giang 461 cán bộ, kế đến là tỉnh Sóc Trăng 281 cán bộ. Ngành Lao cần nhu cầu cao nhất 581 cán bộ, tiếp đến là Tâm thần 440 cán bộ; nhu cầu bổ sung, tuyển dụng cán bộ y tế cho thành lập mới, đáp ứng công tác điều trị, dự phòng thuộc chuyên ngành Lao từ 2018-2025 toàn khu vực ĐBSCL là 581 cán bộ, trong đó cao nhất là tỉnh Kiên Giang 176 cán bộ, kế đến là Sóc Trăng 125 cán bộ, nhu cầu trả đều các năm từ 70-80 cán bộ trong 1 năm; nhu cầu bổ sung, tuyển dụng cán bộ y tế cho thành lập mới, đáp ứng công tác điều trị, dự phòng thuộc chuyên ngành Phong từ 2018-2025 toàn khu vực ĐBSCL là 321 cán bộ, trong đó cao nhất là tỉnh Kiên Giang 136 cán bộ, kế đến là Sóc Trăng 56 cán bộ, nhu cầu trả đều các năm trung bình 40 cán bộ trong 1 năm; Nhu cầu bổ sung, tuyển dụng cán bộ y tế cho thành lập mới, đáp ứng công tác điều trị, dự phòng thuộc chuyên ngành Tâm thần từ 2018-2025 toàn khu vực ĐBSCL là 440 cán bộ, trong đó cao nhất là tỉnh Kiên Giang 120 cán bộ, kế đến là Bến tre, Trà

vinh 79 cán bộ, nhu cầu trải đều các năm trung bình 50-60 cán bộ trong 1 năm (bảng 3.15); Nhu cầu bổ sung, tuyển dụng cán bộ y tế cho thành lập mới, đáp ứng công tác điều trị, dự phòng thuộc chuyên ngành GPB từ 2018-2025 toàn khu vực ĐBSCL là 113 cán bộ, trong đó cao nhất là tỉnh Bến Tre 30 cán bộ, kể đến là Sóc trăng 22 cán bộ; Nhu cầu bổ sung, tuyển dụng cán bộ y tế cho thành lập mới, đáp ứng công tác điều trị, dự phòng thuộc chuyên ngành Pháp y từ 2018-2025 toàn khu vực ĐBSCL là 125 cán bộ, trong đó cao nhất là tỉnh Bến Tre 30 cán bộ, kể đến là Sóc trăng 22 cán bộ.

Tổng nhu cầu đào tạo các chuyên ngành hiếm trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 1518 bác sỹ, trong đó cao nhất là TP. Cần thơ 296 bác sỹ, kể đến là Kiên Giang 260 bác sỹ. Ngành lao chiếm số lượng cao nhất 482 bác sỹ, kể đến là Tâm thần 454 bác sỹ, thấp nhất là Pháp y 147 bác sỹ (bảng 3.18). Nhu cầu đào tạo các chuyên ngành Lao trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 482 bác sỹ, trong đó cao nhất là TP. Cần thơ 114 bác sỹ, kể đến là Kiên Giang 68 bác sỹ, tỉnh không xác định nhu cầu là Bến tre (bảng 3.19). Nhu cầu đào tạo các chuyên ngành Phong trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 234 bác sỹ, trong đó cao nhất là Kiên Giang 68 bác sỹ, tỉnh không xác định nhu cầu là Bến Tre, Cần thơ (bảng 3.20). Nhu cầu đào tạo các chuyên ngành Tâm thần trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 454 bác sỹ, trong đó cao nhất là TP. Cần Thơ 89 bác sỹ, kể đến là Trà Vinh 81 bác sỹ, tỉnh không xác định nhu cầu là Bến tre (bảng 3.21). Nhu cầu đào tạo các chuyên ngành GPB trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 201 bác sỹ, trong đó cao nhất là TP. Cần Thơ 61 bác sỹ, kể đến là Kiên Giang 40 bác sỹ, tỉnh không xác định nhu cầu là Bến Tre. Nhu cầu đào tạo các chuyên ngành Pháp y trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 147 bác sỹ, trong đó cao nhất là TP. Cần Thơ 32 bác sỹ, kể đến là Trà Vinh 22 bác sỹ, tỉnh không xác định nhu cầu là Bến Tre.

Trong 4 năm, Trường đào tạo bác sỹ y khoa tạo nguồn cho ngành hiếm các tỉnh số lượng là 620, tỉnh có số lượng cao nhất là TP. Cần Thơ, kể đến là Kiên Giang. Nhu cầu học ngành hiếm các tỉnh tăng dần trong năm 2017, 2018. Nhu cầu các Tỉnh đào tạo ngành Lao cao nhất, kể đến là Phong và Tâm thần. Nhu cầu đào tạo trình độ sau đại học cả vùng đến 2025 là 3801 BS, Cần Thơ có số lượng đông nhất 2569, nhu cầu đào tạo trình độ sơ bộ gần 2/3 số lượng; nhu cầu đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II khoảng 1/3, vài tỉnh có nhu cầu đào tạo tiến sỹ chuyên ngành hiếm. Nhu cầu đào tạo định hướng đến năm 2025 là 1929 BS, Cần Thơ cao nhất 1625 BS, trung bình các tỉnh từ 5-8 BS trong mỗi năm; 3 tỉnh không có nhu cầu là: Bến Tre, Tiền Giang, Kiên Giang. Nhu cầu đào tạo BS.CKI đến năm 2025 là 1110 BS, Cần Thơ cao nhất 502, kể đến là Tiền Giang 240 BS; trung bình các tỉnh từ 4-7 BS trong mỗi năm; 2 tỉnh không có nhu cầu là: Bến Tre, Kiên Giang. Nhu cầu đào tạo BS.CKII đến năm 2025 là 396 BS, Cần Thơ cao nhất 194; tỉnh Tiền Giang, An Giang và Bạc Liêu có nhu cầu khoảng 40; trung bình các tỉnh từ 3-5 BS trong mỗi năm; 2 tỉnh không có nhu cầu là: Bến Tre, Kiên Giang. Có 8 tỉnh có nhu cầu đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ đến năm 2025 là 366, trong đó thạc sỹ là 297, tiến sỹ là 69; Cần Thơ có nhu cầu cao nhất cao nhất 248 thạc sỹ và tiến sỹ; tỉnh Hậu Giang và Đồng Tháp có nhu cầu thấp nhất 3-4 thạc sỹ, tiến sỹ đến năm 202.

So với các chỉ tiêu của đề án 319/QĐ-TTg, cụ thể: đến năm 2020 số lượng đào tạo nhân lực y tế các chuyên ngành thuộc Đề án ước tính 2.500 người, trong đó: Trình độ tiến sỹ: 30; thạc sỹ: 30; bác sỹ chuyên khoa cấp 2: 170; bác sỹ chuyên khoa cấp 1: 570; bác sỹ đa khoa định hướng chuyên ngành: 1500; cử nhân xét nghiệm kỹ thuật định hướng chuyên ngành giải phẫu bệnh và pháp y: 200. Tổng số nhân lực trên được phân bố như sau: Chuyên ngành Lao 250; chuyên ngành Phong 550; chuyên ngành Tâm thần 600; chuyên ngành Pháp y 550; chuyên ngành Giải phẫu bệnh 550. Giải pháp nhằm bảo đảm nhân lực y tế các chuyên ngành thuộc Đề án làm việc có hiệu quả, lâu dài và bền vững tại các cơ sở y tế trong cả nước [9],[16].

Theo đề án 319/QĐ-TTg: lồng ghép chuyên khoa Lao với bệnh hô hấp và bệnh phổi. Hình thành khoa lâm sàng bệnh phổi kết hợp với bệnh Lao. Cán bộ chuyên môn hành nghề cả hai lĩnh vực này; Lồng ghép chuyên khoa Phong với bệnh da liễu. Mở phòng khám, điều trị chuyên khoa da liễu để các cán bộ làm về chuyên khoa Phong đồng thời có thể hành nghề tại đây; Lồng ghép chuyên khoa Tâm thần với phát triển chuyên môn về tâm lý trị liệu, phục hồi

chức năng tâm thần; Lồng ghép chuyên khoa Giải phẫu bệnh, Pháp y gắn với labo chẩn đoán tế bào học được đầu tư hoàn chỉnh, có đủ năng lực nghiên cứu và phục vụ công tác khám, chẩn đoán và điều trị [9].

Chỉ tiêu 319/QĐ-TTg, đến 2020 số lượng đào tạo nhân lực hiếm khoảng 2.500 người, trong đó: Trình độ tiến sĩ: 30; thạc sĩ: 30; bác sĩ chuyên khoa cấp 2: 170; bác sĩ chuyên khoa cấp 1: 570; bác sĩ đa khoa định hướng chuyên ngành: 1500. Chuyên ngành Lao 250; chuyên ngành Phong 550; chuyên ngành Tâm thần 600; chuyên ngành Pháp y 550; chuyên ngành Giải phẫu bệnh 550 (2,500)

ĐBSCL đang đào tạo tại Trường 620 SV đến khóa tuyển sinh năm 2018 đạt 41,3% tổng số chung cả nước, ước đến năm 2020 đạt 50% chỉ tiêu chung cả nước. Nhu cầu các tỉnh cụ thể đến 2025 TS: 69, ThS 297, CK II: 396, CK I: 1110 cao hơn nhiều so với đề án. Thực trạng đến 2018: có 434 BS và có 620 BS tạo nguồn cho lĩnh vực hiếm cộng 1054 chiếm 42,16% chỉ tiêu chung cả nước, đến 2020 ước đạt 50% cả nước.

V. KẾT LUẬN

Toàn vùng có 758 nhân viên y tế đang công tác tại các chuyên ngành hiếm, trong đó số bác sĩ là 434, trình độ sau đại học là 199 bác sĩ. Cán bộ y tế trình độ đại học và sau đại học ngành Lao cả vùng là 156 cán bộ; ngành Phong là 73; ngành Tâm thần là 155; ngành GPB là 20; ngành Pháp y là 33.

Tổng nhu cầu đào tạo các chuyên ngành hiếm trình độ ĐH giai đoạn 2019-2025 khu vực ĐBSCL là 1518 bác sĩ, chuyên ngành Lao là 482 bác sĩ, ngành Phong là 234 bác sĩ, ngành Tâm thần là 454 bác sĩ, ngành GPB là 201 bác sĩ, ngành Pháp y là 147 bác sĩ. Nhu cầu đào tạo trình độ sau đại học cả vùng đến 2025 là 3801 BS. Nhu cầu đào tạo định hướng là 1929 BS, BS.CKI là 1110 BS, BS.CKII là 396 BS, nhu cầu đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ là 366, trong đó thạc sĩ là 297, tiến sĩ là 69.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y Tế (2008), Báo cáo hội thảo từ xa về nguồn nhân lực y tế tháng 6 năm 2008.
2. Quyết định 1033/QĐ-TTg ngày 30-6-2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển giáo dục-đào tạo (GD-ĐT) và dạy nghề vùng ĐBSCL giai đoạn 2011-2015.
3. Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 10/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030
4. Đề thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới
5. Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30/6/2006 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.
6. Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLB-BYT-BNV về hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước.
7. Trường Đại Học Y Dược Huế (2006), Nhận xét tình hình đội ngũ cán bộ y tế các Tỉnh Miền Tây Việt Nam năm 2006- Báo cáo tại Hội nghị đào tạo nguồn nhân lực y tế Miền Trung và Tây Nguyên tháng 12/2006 tại Huế.
8. Phạm Văn Linh, Trần Kim Thương (2009), Tình hình nhân lực y tế vùng ĐBSCL thực trạng và giải pháp.
9. Quyết định 319/QĐ-TTg 7/02/ 2013 phê duyệt Đề án "Khuyến khích đào tạo và phát triển nhân lực y tế chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Pháp y và Giải phẫu bệnh giai đoạn 2013-2020".
10. Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030".
11. Phạm Văn Linh, Nguyễn Minh Phương (2015), "Tình hình bác sĩ, dược sĩ vùng ĐBSCL giai đoạn 2008-2014 và nhu cầu đến năm 2020", Tạp chí Y Dược học Cần Thơ số 1-2015.
12. Bộ Y Tế (2016). Báo cáo hội thảo "Chia sẻ những kinh nghiệm quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực y tế"
<http://moh.gov.vn:8086/news/pages/tinhoatdongv2.aspx?ItemID=184>.
13. Bộ Y Tế (2015). Quyết định số 2992/QĐ-BYT ngày 17/07/2015 của Bộ Y tế về phê duyệt kế

- hoạch phát triển nhân lực trong hệ thống khám bệnh chữa bệnh giai đoạn 2015 – 2020.
14. Dreesch N (2005). “Cách tiếp cận để ước tính số lượng nguồn nhân lực để đạt được các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ”. *Chính sách Y tế và Kế hoạch năm 2005*; 20 (5): 267-276.
 15. Báo cáo 645/BC-ĐHYDCT, Báo cáo Quốc hội về hoạt động tuyển sinh và đào tạo của Trường ĐH Y Dược Cần Thơ giai đoạn 2010 – 2019.
 16. Đề án phát triển đào tạo 5 chuyên ngành hiếm theo QĐ 319/QĐ-TTg cho vùng Tây nam bộ đến năm 2020 (2016).
 17. Nghị quyết 46- NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính Trị về công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.
 18. Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 13/04/2017 phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
 19. Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập.
 20. Quyết định 1230/QĐ-TTg ngày 09/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về đào tạo theo nhu cầu xã hội giai đoạn 2008-2015
 21. Quyết định 1033/QĐ-TTg ngày 30/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề vùng ĐBSCL giai đoạn 2011-2015
 22. Quyết định 4348/BGDĐT-GHĐH ngày 26/8/2015 về việc đào tạo nhân lực trình độ ĐH, ThS của các địa phương thuộc khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ
 23. Quyết định 8686/BGDĐT-GDDH ngày 19/9/2008 của Bộ GDĐT về đào tạo theo ĐCSĐ bác sỹ, dược sỹ
 24. Quyết định 5071/BYT-K2ĐT ngày 31/7/2009 của Bộ Y tế về đào tạo ĐCSĐ cho Trường
 25. Quyết định 984/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ở trong nước đối với nhân lực ngành y tế tỉnh Đồng Tháp
 26. Nghị quyết số 116/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định hỗ trợ học phí đào tạo cho viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế;
 27. <https://vov.vn/xa-hoi/khat-nhan-luc-y-te-o-cac-chuyen-nganh-hiem-o-dbscl-554981.vov> ngày 29/9/2016, “Khát” nhân lực y tế ở các chuyên ngành hiếm ở ĐBSCL
 28. Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV, ngày 25/4/2008 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của sở y tế, phòng y tế thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

(Ngày nhận bài: 20/9/2019- Ngày duyệt đăng: 04/11/2019)
